

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu khác (tiếp theo)	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hợp tác đầu tư Cty CP Vật Tư XNK Tân Bình (6)	203.860.132.763	-	209.684.329.138	-
Hợp tác Ông Phạm Nguyên Khôi	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Công ty CP Thủ Thiêm Land	1.863.419.641	-	1.853.419.641	-
Công ty CP Everland	8.673.340.473	-	8.673.340.473	-
Công ty CP TM-DL Sài Gòn	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Ông Nguyễn Văn Liêm	9.176.132.736	-	23.900.000.000	-
Công ty CP Phương Mai Bay	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty CP CN TODA	3.035.379.211	(3.035.379.211)	3.035.379.211	(3.035.379.211)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	398.784.470	(16.519.500)	680.818.138	(16.519.500)
b. Dài hạn	476.108.238	(476.108.238)	476.108.238	(476.108.238)
Cty TNHH Thép Việt Thành	385.321.038	(385.321.038)	385.321.038	(385.321.038)
Cty Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Hà Gia	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Các khoản phải thu dài hạn khác	30.787.200	(30.787.200)	30.787.200	(30.787.200)
Cộng	805.112.086.486	(14.251.634.569)	869.134.634.484	(14.251.634.569)
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
Hợp tác đầu tư Cty CP XD & KD Địa ốc Nam Tiến (3)	313.878.307.780	-	313.878.307.780	-
Công ty CP Thủ Thiêm Land	1.863.419.641	-	1.853.419.641	-
Cộng	315.741.727.421	-	315.731.727.421	-

Thuyết minh các khoản hợp tác đầu tư kinh doanh

(3) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 305.520.000.000 VND để công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Nam Tiến với tư cách cổ đông sáng lập của Công ty CP PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2018 đến ngày 19 tháng 01 năm 2020 và có thể được thương lượng đàm phán để gia hạn hợp đồng. Công ty được phân chia kết quả đầu tư theo phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-3/PLHĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 Công ty được hưởng kết quả đầu tư với tỷ lệ 30% lợi nhuận của dự án khi dự án hoàn thành. Thời gian thực hiện dự án là 24 tháng kể từ ngày 03/04/2018 đến ngày 03/04/2020. Hiện tại, PPT Land đang làm việc với các cơ quan về thủ tục pháp lý và các thủ tục khác, để sớm triển khai dự án phù hợp với quy hoạch và nâng cao mỹ quan đô thị của địa phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu khác (tiếp theo)**Thuyết minh các khoản hợp tác đầu tư kinh doanh (tiếp)**

(4) Khoản tiền ứng trước theo hợp đồng hứa mua hứa bán số 01-2016/HĐH-TGT/SEA-GGC về việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 20 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận.1, Tp. Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 20.000.000.000 đồng. Đang thực hiện các thủ tục pháp lý.

(5) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-2/HĐHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 225.837.800.000 VND để Công ty Cổ phần Xây Dựng Bưu Chính Viễn Thông với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty Cổ Phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2018 đến ngày 04 tháng 04 năm 2020 và có thể được thương lượng đàm phán để gia hạn hợp đồng. Công ty được phân chia kết quả đầu tư theo phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-2/PLHĐHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 Công ty được hưởng kết quả đầu tư với tỷ lệ 23% lợi nhuận của dự án khi dự án hoàn thành. Thời gian thực hiện dự án là 24 tháng kể từ ngày 03/04/2018 đến ngày 03/04/2020. Hiện tại, PPT Land đang làm việc với các cơ quan về thủ tục pháp lý và các thủ tục khác, để sớm triển khai dự án phù hợp với quy hoạch và nâng cao mỹ quan đô thị của địa phương

(6) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018 Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 199.912.200.000 VND để Công ty Cổ phần Vật Tư Xuất Nhập Khẩu Tân Bình với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty Cổ Phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng kể từ ngày 03 tháng 04 năm 2018 đến ngày 03 tháng 04 năm 2020 và có thể được thương lượng đàm phán để gia hạn hợp đồng. Công ty được phân chia kết quả đầu tư theo Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-1/PLHĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 01 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 Công ty được hưởng kết quả đầu tư với tỷ lệ 20% lợi nhuận của dự án khi dự án hoàn thành. Thời gian thực hiện dự án là 24 tháng kể từ ngày 03/04/2018 đến ngày 03/04/2020. Hiện tại, PPT Land đang làm việc với các cơ quan về thủ tục pháp lý và các thủ tục khác, để sớm triển khai dự án phù hợp với quy hoạch và nâng cao mỹ quan đô thị của địa phương

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản khác (7)	2.288.788.920	(2.288.788.920)	2.288.788.920	(2.288.788.920)
Cộng	2.288.788.920	(2.288.788.920)	2.288.788.920	(2.288.788.920)

(7) Khoản 74,25 tấn hạt nhựa HDPE gửi tại kho Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Đình Phong bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này. Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập 100% dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản này.

8. Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ quá hạn trên 3 năm	102.091.946.746	-	102.091.946.746	-
Nợ quá hạn trên 2 năm	6.085.422.443	2.186.668.978	6.085.422.443	2.844.711.222
Cộng	108.177.369.189	2.186.668.978	108.177.369.189	2.844.711.222

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (8)	28.221.525.561	-	28.221.525.561	-
Chi phí xây dựng nhà mẫu	9.902.989.755	-	9.902.989.755	-
Chi phí tư vấn	2.272.090.910	-	2.272.090.910	-
Chi phí xây dựng	15.020.257.750	-	15.020.257.750	-
Chi phí khác	1.026.187.146	-	1.026.187.146	-
Cộng	28.221.525.561	-	28.221.525.561	-

(8) Các chi phí liên quan đến dự án khu phức hợp căn hộ và dịch vụ thương mại Centa Park tại số 678 Âu Cơ, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.794.851.696	12.462.121.182	104.986.750	14.361.959.628
Số dư cuối kỳ	1.794.851.696	12.462.121.182	104.986.750	14.361.959.628
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.791.863.667	4.885.972.551	104.986.750	6.782.822.968
Khấu hao trong kỳ	746.982	713.221.721	-	713.968.703
Số dư cuối kỳ	1.792.610.649	5.599.194.272	104.986.750	7.496.791.671
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.988.029	7.576.148.631	-	7.579.136.660
Số dư cuối kỳ	2.241.047	6.862.926.910	-	6.865.167.957

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.090.416.666 VND

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.310.586.810 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	264.747.900	264.747.900
Số dư cuối kỳ	264.747.900	264.747.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	264.747.900	264.747.900
Số dư cuối kỳ	264.747.900	264.747.900
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

- * Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 264.747.900 VND.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.
- * Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

12. Chi phí trả trước	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí trả trước dài hạn	19.120.955.563	19.181.547.661
<i>Chi phí hoa hồng, môi giới, marketing dự án căn hộ Centa Park</i>	14.627.041.597	14.627.041.597
<i>Chi phí nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê tại số 1534 Võ Văn Kiệt</i>	4.493.913.966	4.554.506.064
Cộng	19.120.955.563	19.181.547.661

13. Phải trả người bán	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	28.305.125.845	28.305.125.845	4.337.671.300	4.337.671.300
<i>Công ty CP Dịch Vụ Quản Lý tài Sản 304</i>	24.997.621.000	24.997.621.000	197.621.000	197.621.000
<i>Commodities International, Inc</i>	1.485.247.379	1.485.247.379	1.485.247.379	1.485.247.379
<i>Cty TNHH MTV Quản Lý Kinh Doanh Nhà TP.HCM</i>	1.009.454.545	1.009.454.545	1.842.000.000	1.842.000.000
<i>Nhà cung cấp khác</i>	812.802.921	812.802.921	812.802.921	812.802.921
Cộng	28.305.125.845	28.305.125.845	4.337.671.300	4.337.671.300

14. Người mua trả tiền trước	30/06/2020	01/01/2020
Ngắn hạn	33.333.681.706	69.151.479.079
<i>Khách hàng trả trước tiền mua căn hộ Centa Park</i>	33.333.681.706	69.151.479.079
Cộng	33.333.681.706	69.151.479.079

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Phải trả	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
Thuế giá trị gia tăng	18.335.369	3.140.255.633	3.118.226.751	40.364.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.162.307.362	166.149.912	320.000.000	2.008.457.274
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.009.316.856	451.745.822	349.000.001	1.112.062.677
Thuế thu nhập cá nhân	447.548.380	84.000.000	112.000.000	419.548.380
Cộng	3.637.507.967	3.842.151.367	3.899.226.752	3.580.432.582
b. Phải thu				
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	6.000.000	1.000.000
Cộng	-	5.000.000	6.000.000	1.000.000

16. Chi phí phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
Ngắn hạn	18.086.857.224	15.299.946.235
Chi phí lãi vay	950.484.880	950.484.880
Chi phí hoa hồng môi giới	12.345.552.261	12.345.552.261
Chi phí thuê văn phòng	4.775.820.083	1.988.909.094
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.000.000	15.000.000
Cộng	18.086.857.224	15.299.946.235

17. Phải trả khác

a. Ngắn hạn	30/06/2020	01/01/2020
KPCĐ, BHYT, BHXH, BHTN	177.586.222	151.954.452
Phải trả khác	554.552.904.778	607.531.858.250
<i>Công ty CP TMDV & XD (Traseco) - Phải trả tiền hợp tác đầu tư (9)</i>	<i>500.282.105.040</i>	<i>500.282.105.040</i>
<i>Tổng Công ty Dầu Tơ Tằm Việt Nam (10)</i>	<i>16.389.333.333</i>	<i>16.389.333.333</i>
<i>Phải trả tiền mượn - Công ty CP Thủ Thiêm Land</i>	<i>13.656.489.635</i>	<i>70.071.258.815</i>
<i>Phải trả tiền mượn - Công ty CP Thanh Niên</i>	<i>7.765.680.823</i>	<i>2.889.373.771</i>
<i>Phải trả tiền mượn - Ông Nguyễn Nhân Kiệt</i>	<i>2.346.847.200</i>	<i>2.346.847.200</i>
<i>Phải trả tiền mượn - Ông Vũ Đức Tâm</i>	<i>2.003.518.537</i>	<i>2.003.518.537</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.938.961.658</i>	<i>1.938.961.658</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>1.380.000.000</i>	<i>1.380.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>8.789.968.552</i>	<i>10.230.459.896</i>
Cộng	554.730.491.000	607.683.812.702
b. Phải trả khác là các bên liên quan		
<i>Phải trả tiền mượn - Ông Nguyễn Nhân Kiệt</i>	<i>2.346.847.200</i>	<i>2.346.847.200</i>
<i>Phải trả tiền mượn - Công ty CP Thủ Thiêm Land</i>	<i>13.656.489.635</i>	<i>70.071.258.815</i>
Cộng	16.003.336.835	72.418.106.015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Phải trả khác (tiếp theo)**Thuyết minh phải trả khác**

(9) Theo hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ và Xây Dựng ("Traseco") về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, phường 14, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh, Công ty sẽ góp vốn bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá tạm tính là 500.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ và Xây Dựng ("Traseco") sẽ góp số tiền là 500.000.000.000 VND. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn vào dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ và Xây Dựng ("Traseco") đã góp được 500.282.105.040 VND. Do trong việc hoàn thiện pháp lý còn vướng mắc nên dự án chậm tiến độ hơn so kế hoạch. Hiện tại, dự án đã được chấp thuận đầu tư, đang thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan để sớm triển khai dự án phù hợp với quy hoạch.

(10) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HĐHTKD/SEASG -DTT/2015 ngày 03 tháng 08 năm 2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tăm Tơ Việt Nam, Công ty góp vốn bằng toàn quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất (trả thuê đất hàng năm) tại số 1534 Võ Văn Kiệt, phường 7, Quận 6, Tp.Hồ Chí Minh và năng lực quản lý, khai thác kinh doanh; Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tăm Tơ Việt Nam góp vốn bằng chi phí đầu tư và được chia lợi nhuận cố định là 12%/năm đối với số tiền Công ty đã góp vốn. Phụ lục hợp đồng số 01/PLHTKD/2019 ngày 01 tháng 07 năm 2019 điều chỉnh lợi nhuận cố định là 0%/năm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tăm Tơ Việt Nam đã góp 14.000.000.000 VND và lãi hợp tác kinh doanh là 2.389.333.333 VND.

18. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay dài hạn đến hạn trả	156.301.475	156.301.475	1.429.501.487	1.429.501.487
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	1.243.200.012	1.243.200.012
NH Phát Triển Việt Nam, SGD I, CN Phú Viên (11)	156.301.475	156.301.475	186.301.475	186.301.475
b. Vay dài hạn	2.719.657.586	2.719.657.586	2.097.433.294	2.097.433.294
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.719.657.586	2.719.657.586	2.097.433.294	2.097.433.294
Cộng	2.875.959.061	2.875.959.061	3.526.934.781	3.526.934.781

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng gồm có hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
SME/SGN/17/0148/HDTD-01	5 năm	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 4%/năm và điều chỉnh 03 tháng/ lần	2.032.957.608	1 xe ô tô con Lexus
SME/SGN/17/0148/HDTD-02	5 năm	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 4%/năm và điều chỉnh 03 tháng/ lần	686.699.978	1 xe ô tô con Ford

(11) Khoản vay của ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch I tại chi nhánh Phú Viên để đầu tư sửa chữa ô bể chợp, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm là 156.301.475 VND. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	396.000.000.000	931.464.240	54.693.407.278	451.624.871.518
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019	-	-	747.438.182	747.438.182
Số dư tại ngày 30/06/2019	396.000.000.000	931.464.240	55.440.845.460	452.372.309.700
Lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2019	-	-	(723.808.561)	(723.808.561)
Số dư tại ngày 01/01/2020	396.000.000.000	931.464.240	54.717.036.899	451.648.501.139
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020	-	-	231.377.929	231.377.929
Số dư tại ngày 30/06/2020	396.000.000.000	931.464.240	54.948.414.828	451.879.879.068

b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông% vốn thực góp
tại 30/06/2020

		30/06/2020	01/01/2020
Ông Nguyễn Nhân Kiệt	25%	99.000.000.000	132.000.000.000
Ông Huỳnh Cao Tuấn	21%	83.755.660.000	45.388.000.000
Ông Nguyễn Trọng Trí	8%	32.000.000.000	32.000.000.000
Ông Trần Minh Tính	5%	20.381.000.000	20.381.000.000
Ông Nguyễn Khải Hưng	5%	19.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Lê Phan	5%	18.976.000.000	21.556.000.000
Bà Hà Hồng Hạnh	5%	19.765.000.000	19.765.000.000
Bà Nguyễn Thị Vỹ Phụng	4%	16.330.000.000	19.620.000.000
Các cổ đông khác	22%	86.792.340.000	86.290.000.000
Cộng	100%	396.000.000.000	396.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu	396.000.000.000	396.000.000.000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	396.000.000.000	396.000.000.000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	396.000.000.000	396.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ tức**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ***Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường*

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2019
	<i>Chưa công bố</i>	<i>Chưa công bố</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

đ. Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.600.000	39.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>39.600.000</i>	<i>39.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	39.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>39.600.000</i>	<i>39.600.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2020	01/01/2020
Quỹ đầu tư phát triển	931.464.240	931.464.240
Cộng	931.464.240	931.464.240

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

* Ngoại tệ các loại

	30/06/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
USD	3.392,79	78.441.305	3.525,80	80.237.879
Cộng	3.392,79	78.441.305	3.525,80	80.237.879

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cho thuê	8.790.590.546	7.122.909.092
Doanh thu bán hàng hóa	22.636.363.636	329.581.569
Cộng	31.426.954.182	7.452.490.661
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động cho thuê	4.029.036.356	3.755.497.942
Giá vốn bán hàng hóa	22.545.454.545	-
Cộng	26.574.490.901	3.755.497.942
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.243.800	709.597
Lãi tiền cho vay	5.704.811.781	6.607.503.501
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.228.857	-
Cộng	5.707.284.438	6.608.213.098